



CÔNG TY CỔ PHẦN HABECO HẢI PHÒNG

Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013
đã được kiểm toán

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN NAM VIỆT
NAM VIET AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTING SERVICES CO., LTD. (AASCN)

29 Hoàng Sa, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Tel: (84-8) 39103908; 39104881 - Fax: (84-8) 39104880

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Habeco - Hải Phòng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

Khái quát

Công ty Cổ phần Habeco – Hải Phòng được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203003491 ngày 24 tháng 09 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp.

Hoạt động chính của Công ty là chung, tinh cất và pha chế các loại rượu mạnh; sản xuất rượu vang; sản xuất bia và mạch nha ủ men bia; sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng; bán buôn đồ uống có cồn; bán buôn đồ uống không có cồn; bán buôn vật tư, nguyên liệu ngành bia, rượu, nước giải khát; bán buôn các vật tư, phụ tùng, công cụ, máy móc thiết bị khác phục vụ ngành bia, rượu, nước giải khát; khách sạn; nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống.

Trụ sở chính của Công ty tại Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, Thành phố Hải Phòng.

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tuấn Phong	Chủ tịch	
Ông Vương Toàn	Thành viên	Đến 25/04/2013
Ông Đỗ Châu Tuấn	Thành viên	
Bà Cao Thị Thanh Dung	Thành viên	
Bà Tạ Thu Thủy	Thành viên	
Bà Lê Thị Von Ga	Thành viên	Từ 25/04/2013

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đỗ Châu Tuấn	Giám đốc
Ông Trần Hồng Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Thành viên
Bà Trần Dương Ánh Tuyết	Thành viên

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

1988
ONG T
NHỆM H
VỤ T
ÍNH K
KIỂM T
M V
TP. H

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.



Đỗ Châu Tuấn
Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014



Số : 31/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Habeco Hải Phòng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng, được lập ngày 20/02/2014, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

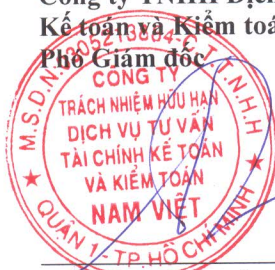
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Habeco Hải Phòng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN)**

Phó Giám đốc



Nguyễn Minh Tiến

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 0547-2013-152-1

Kiểm toán viên

Lê Hồng Đào

Số Giấy CNĐKHN Kiểm toán: 1732-2013-152-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		26.316.090.645	26.826.139.868
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.611.236.698	11.390.354.309
1. Tiền	111		6.611.236.698	2.690.354.309
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	8.700.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.584.707.878	5.103.049.318
1. Phải thu khách hàng	131		10.332.138.278	5.070.390.985
2. Trả trước cho người bán	132		172.569.600	11.000.000
3. Các khoản phải thu khác	135	V.2	80.000.000	21.658.333
IV. Hàng tồn kho	140		9.120.146.069	10.332.736.241
1. Hàng tồn kho	141	V.3	9.120.146.069	10.332.736.241
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		366.045.825.558	392.777.561.339
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		361.331.861.445	387.180.614.281
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	361.331.861.445	387.180.614.281
- Nguyên giá	222		439.556.700.490	439.381.527.276
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(78.224.839.045)	(52.200.912.995)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.713.964.113	5.596.947.058
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.5	4.713.964.113	5.596.947.058
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		392.361.916.203	419.603.701.207

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		302.060.440.668	305.448.163.257
I. Nợ ngắn hạn	310		14.121.190.856	9.935.539.609
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.6	4.000.000.000	-
2. Phải trả người bán	312		1.619.766.978	3.959.865.925
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.7	7.161.243.175	3.939.735.624
5. Phải trả người lao động	315		833.791.546	1.317.087.565
6. Chi phí phải trả	316	V.8	364.346.731	438.105.620
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.9	142.042.426	280.744.875
II. Nợ dài hạn	330		287.939.249.812	295.512.623.648
1. Vay và nợ dài hạn	334	V.10	287.939.249.812	295.512.623.648
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		90.301.475.535	114.155.537.950
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.11	90.301.475.535	114.155.537.950
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		160.000.000.000	160.000.000.000
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(69.698.524.465)	(45.844.462.050)
II. Nguồn kinh phí	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		392.361.916.203	419.603.701.207

Người lập biểu

Hương Thị Hương

Hương Thị Hương

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Hiếu

Nguyễn Ngọc Hiếu

Giám đốc



Đỗ Châu Tuấn

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	186.939.735.180	156.103.428.600
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	77.263.704.180	48.445.891.634
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.3	109.676.031.000	107.657.536.966
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.4	97.930.382.950	104.739.431.241
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		11.745.648.050	2.918.105.725
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	397.600.433	2.643.664.183
7. Chi phí tài chính	22	VI.6	33.209.635.102	36.597.174.785
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		24.283.008.938	36.586.285.443
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4.365.633.896	4.020.358.894
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(25.432.020.515)	(35.055.763.771)
11. Thu nhập khác	31		1.602.823.897	4.177.248.179
12. Chi phí khác	32		24.865.797	113.797.894
13. Lợi nhuận khác	40		1.577.958.100	4.063.450.285
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(23.854.062.415)	(30.992.313.486)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(23.854.062.415)	(30.992.313.486)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(1.491)	(1.937)

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Hoàng Thị Hương

Nguyễn Ngọc Hiếu

Đỗ Châu Tuấn

Hải Phòng, ngày 20 tháng 02 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(23.854.062.415)	(30.992.313.486)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		26.099.629.764	33.800.381.220
- (Lãi), lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	04		8.926.626.164	(508.743.532)
- (Lãi), lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(397.600.433)	(2.106.066.949)
- Chi phí lãi vay	06		24.283.008.938	36.586.285.443
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		35.057.602.018	36.779.542.696
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(5.481.658.560)	(969.034.890)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		1.212.590.172	(1.788.932.197)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		259.410.136	(21.173.612.360)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		949.150.102	1.075.676.854
- Tiền lãi vay đã trả	13		(24.356.767.827)	(36.148.179.823)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		7.640.326.041	(22.224.539.720)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(317.044.085)	(207.331.838)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		397.600.433	2.084.408.616
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		80.556.348	1.877.076.778

